UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1148 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 28 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhu cầu vắc xin Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 110/TTr-SYT ngày 28/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhu cầu vắc xin Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm báo cáo nhu cầu vắc xin Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn về Bộ Y tế theo đúng quy định; chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động về tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh.

Chủ tịch UBND huyện, thành phố có trách nhiệm bố trí kinh phí để tổ chức công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn huyện, thành phố theo đúng nhu cầu đã đề xuất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng: KGVX, KT, TH, TT TT;
- Lưu: VT, KGVX (NTB).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Xuân Huyên

Phụ lục: Tổng hợp nhu cầu vắc xin Chương trình tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1148/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Loại vắc xin	Nhu cầu vắc xin tiêm bù mũi cho đối tượng thuộc kế hoạch TCMR chưa được tiêm chủng (A)					Nhu cầu vắc xin trong năm 2025 (B)					Nhu cầu vắc xin gối đầu 6 tháng đầu năm 2026 (*) (C)					Số vắc xin còn tồn của năm trước	Tổng nhu cầu vắc xin (E)
		Số đối tượng	Tỷ lệ tiêm chủng	Hệ số sử dụng	Số mũi tiêm/ uống	Nhu cầu vắc xin	Số đối tượng	Tỷ lệ tiêm chủng	Hệ số sử dụng	Số mũi tiêm/ uống	Nhu cầu vắc xin	Số đối tượng	Tỷ lệ tiêm chủng	Hệ số sử dụng	Số mũi tiêm/ uống	Nhu cầu vắc xin		
		(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	***(A = 1 * 2 * 3 *4)***	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	***(B = 5 * 6 * 7 * 8)***	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	***(C = 9 * 10 * 11 * 12)***	***(D)***	***(E = A + B + C - D)***
1	Viêm gan B sơ sinh	80	0.9	1.05	1	**76**	8223	0.9	1.05	1	**7770**	4233	0.9	1.05	1	**4000**	0	**11.846**
2	BCG	128	0.9	2.71	1	**320**	10648	0.9	2.71	1	**25970**	5252	0.9	2.71	1	**12810**	0	**39.100**
3	DPT - VGB - Hib	366	0.9	1.071	3	**1060**	11842	0.9	1.071	3	**34243.5**	5956	0.9	1.071	3	**17223**	0	**52.528**
4	OPV	185	0.9	2.21	3	**1100**	12310	0.9	2.21	3	**73460**	6226	0.9	2.21	3	**37160**	0	**11.1720**
5	IPV	190	0.9	2.084	1	**360**	10521	0.9	2.084	1	**19740**	5351	0.9	2.084	1	**10040**	0	**30.140**
6	Viêm não Nhật Bản	300	0.9	2.084	3	**1690**	12048	0.9	2.084	3	**67790**	5635	0.9	2.084	3	**31710**	0	**10.1190**
7	Sởi	223	0.9	2.21	1	**450**	10631	0.9	2.21	1	**21150**	5326	0.9	2.21	1	**10600**	0	**32.200**
8	Sởi - Rubella	218	0.95	2.21	1	**460**	10597	0.95	2.21	1	**22250**	5324	0.95	2.21	1	**11180**	0	**33.890**
9	Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT)	208	0.9	3.094	1	**580**	11309	0.9	3.094	1	**31500**	5720	0.9	3.094	1	**15920**	0	**48.000**
10	Uốn ván	208	0.9	2.71	2	**1020**	11883	0.9	2.71	2	**57960**	5894	0.9	2.71	2	**18760**	0	**77.740**
11	Rota	228	0.9	1.05	2	**430**	11136	0.9	1.05	2	**21047**	5499	0.9	1.05	2	**10393**	0	**31870**
12	Uốn ván - Bạch hầu giảm liều (Td)	160	0.9	2.084	1	**300**	2221	0.9	2.084	1	**4160**	1074	0.9	2.084	1	**2010**	0	**6470**